

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1288/QĐ-BHXH

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

BAN HÀNH QUY CHẾ QUẢN LÝ ĐẦU TƯ CÁC QUỸ BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

TỔNG GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH11 ngày 20/11/2014;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 ngày 14/11/2008 và Luật số 46/2014/QH13 ngày 13/6/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Luật An toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 01/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 30/2016/NĐ-CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ quy định chi tiết hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 20/2016/TT-BTC ngày 03/02/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý đầu tư quỹ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý đầu tư các quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Quyết định số 1066/QĐ-BHXH ngày 8/10/2013 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành Quy chế Quản lý đầu tư các quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; Quyết định số 976/QĐ-BHXH ngày 25/9/2014 của

Tổng Giám đốc ban hành Quy chế trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ Dự phòng rủi ro trong hoạt động đầu tư các quỹ bảo hiểm do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Quản lý đầu tư quỹ, Chánh Văn phòng Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tài chính-Kế toán, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch-Đầu tư và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: TC, LĐTB&XH, Y Tế;
- HĐQT BHXH Việt Nam (đề b/c);
- TGD, các Phó TGD;
- Lưu: VT, ĐTQ(6b).

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Minh

QUY CHẾ

QUẢN LÝ ĐẦU TƯ CÁC QUỸ BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1288/QĐ-BHXH ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc quản lý hoạt động đầu tư số tiền nhân rồi từ quỹ bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) *(sau đây gọi tắt là các quỹ bảo hiểm)* do BHXH Việt Nam quản lý.

2. Đối tượng áp dụng bao gồm BHXH Việt Nam và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư các quỹ bảo hiểm do BHXH Việt Nam quản lý.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Hoạt động đầu tư từ các quỹ bảo hiểm phải bảo đảm minh bạch, an toàn, hiệu quả và thu hồi được vốn đầu tư.

2. Thực hiện đầu tư theo đúng phương án đầu tư đã được Hội đồng quản lý BHXH Việt Nam *(sau đây gọi là Hội đồng quản lý)* thông qua và các hình thức, phương thức đầu tư quy định tại Nghị định số 30/2016/NĐ-CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ quy định chi tiết hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN *(sau đây gọi tắt là Nghị định số 30/2016/NĐ-CP)*.

3. Huy động tối đa tiền nhân rồi từ các quỹ bảo hiểm để thực hiện đầu tư nhằm bảo toàn và tăng trưởng các quỹ bảo hiểm.

Điều 3. Các hình thức đầu tư

1. Hoạt động đầu tư từ các quỹ bảo hiểm được thực hiện thông qua các hình thức theo thứ tự ưu tiên như sau:

- a) Mua trái phiếu Chính phủ;
- b) Cho Ngân sách nhà nước vay;
- c) Gửi tiền; mua trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi tại các Ngân hàng thương mại có chất lượng hoạt động tốt, hoạt động lành mạnh theo xếp loại tín nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

d) Cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách Xã hội vay theo hình thức mua trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do các Ngân hàng này phát hành;

đ) Đầu tư vào các dự án quan trọng theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Việc đầu tư vào hai hình thức quy định tại Điểm d và Điểm đ Khoản 1 Điều này chỉ áp dụng đối với quỹ BHTN; số tiền đầu tư vào hai hình thức này không được vượt quá 20% số dư quỹ BHTN của năm trước liền kề.

Chương II

XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ

Điều 4. Xây dựng Phương án đầu tư từ các quỹ bảo hiểm hàng năm

1. Căn cứ xây dựng Phương án

a) Các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động đầu tư các quỹ bảo hiểm và các văn bản liên quan đến hoạt động đầu tư các quỹ bảo hiểm hiện hành;

b) Kết quả thực hiện phương án đầu tư quỹ đã được Hội đồng quản lý thông qua năm trước, ước thực hiện đầu tư quỹ năm nay;

c) Dự toán thu - chi quỹ BHXH, BHYT, BHTN trong năm kế hoạch của Ngành do các đơn vị Vụ Kế hoạch và Đầu tư, Vụ Tài chính-Kế toán, Ban Thu xây dựng và cung cấp cho Vụ Quản lý đầu tư quỹ;

d) Số tiền gốc và lãi đầu tư dự kiến thu hồi trong năm kế hoạch;

đ) Nguồn đảm bảo thanh khoản để chi trả các chế độ và dự phòng năm kế hoạch;

e) Nguồn vốn cho các yêu cầu cấp thiết khác theo chỉ đạo của Hội đồng quản lý và Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam.

2. Xác định nguồn vốn nhàn rỗi trong năm: Căn cứ dự toán thu - chi BHXH, BHYT, BHTN nguồn đảm bảo thanh khoản để chi các chế độ và dự phòng; số tiền gốc, lãi đầu tư dự kiến thu hồi trong năm kế hoạch, Vụ Quản lý đầu tư quỹ xác định số tiền nhàn rỗi có thể đầu tư được trong năm kế hoạch.

3. Xây dựng phương án đầu tư quỹ

a) Xây dựng cơ cấu đầu tư: Căn cứ Báo cáo thực hiện đầu tư các quỹ bảo hiểm năm trước, tình hình thực hiện đầu tư các quỹ bảo hiểm năm nay và mục tiêu nhiệm vụ năm kế hoạch, Vụ Quản lý đầu tư quỹ xây dựng cơ cấu đầu tư phù hợp với các hình thức đầu tư và đảm bảo tuân thủ theo Điều 3 của Quy chế này.

b) Nội dung phương án đầu tư quỹ:

- Đánh giá tình hình thực hiện hoạt động đầu tư năm trước, ước thực hiện năm nay, chi tiết theo từng hình thức đầu tư, gồm các chỉ tiêu: số dư nợ đầu tư, số tiền đầu tư, số tiền thu hồi (tiền gốc, lãi), mức lãi suất đầu tư.

- Dự kiến đầu tư trong năm kế hoạch, gồm các chỉ tiêu: Tổng số tiền đầu tư, các hình thức đầu tư, cơ cấu đầu tư, mức lãi suất đầu tư, số tiền thu hồi (tiền gốc, lãi), số dư nợ đầu tư cuối năm.

c) Vụ Quản lý đầu tư quỹ gửi Vụ Kế hoạch và Đầu tư kế hoạch đầu tư từ các quỹ bảo hiểm năm kế hoạch đã được Lãnh đạo Ngành BHXH Việt Nam phê duyệt để tổng hợp chung trong dự toán ngân sách năm của Ngành.

4. Thủ tục và trình tự phê duyệt phương án đầu tư quỹ

a) Căn cứ số liệu dự toán thu-chi của Ngành; số dư quỹ dự phòng, số tiền lãi phát sinh tại các tài khoản tiền gửi thanh toán, số dư tiền tại tài khoản đảm bảo thanh toán do Vụ Kế hoạch và Đầu tư, Vụ Tài chính-Kế toán cung cấp, Vụ Quản lý đầu tư quỹ xây dựng phương án đầu tư quỹ trình Tổng Giám đốc phê duyệt.

b) BHXH Việt Nam trình Hội đồng quản lý thông qua phương án đầu tư quỹ năm kế hoạch.

c) Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu xét thấy cần thiết phải điều chỉnh hoặc bổ sung phương án đầu tư nhằm đảm bảo thực hiện kế hoạch và nâng cao hiệu quả đầu tư, hoặc do điều chỉnh dự toán thu - chi BHXH, BHYT, BHTN, Vụ Quản lý đầu tư quỹ chủ trì phối hợp với Vụ Kế hoạch và Đầu tư trình Tổng Giám đốc báo cáo Hội đồng quản lý xem xét, quyết định.

Điều 5. Lập kế hoạch đầu tư các quỹ bảo hiểm hàng tháng

1. Căn cứ lập kế hoạch

a) Phương án đầu tư các quỹ bảo hiểm trong năm đã được Hội đồng Quản lý thông qua;

b) Số dư trên các tài khoản tiền gửi thanh toán của BHXH Việt Nam ngày đầu của tháng, dự kiến các khoản chi gồm: chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN, chi BHXH, BHYT, BHTN trong tháng do Vụ Tài chính - Kế toán cung cấp;

c) Dự kiến số thu BHXH, BHYT, BHTN trong tháng do Ban Thu cung cấp;

d) Số tiền gốc và lãi đầu tư đến hạn thu hồi được trong tháng;

đ) Thông tin thị trường và các cơ hội đầu tư.

2. Lập kế hoạch đầu tư hàng tháng

a) Ban Thu: Vào ngày đầu tiên hàng tháng, nếu trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ thì chuyển vào ngày làm việc gần nhất, gửi thông báo cho Vụ Quản lý đầu tư quỹ số tiền đã thu được tháng trước và dự kiến số tiền thu được trong tháng.

b) Vụ Tài chính - Kế toán: Vào ngày đầu tiên hàng tháng, nếu trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ thì chuyển vào ngày làm việc gần nhất, gửi thông báo cho Vụ Quản lý đầu tư quỹ số liệu số dư trên các tài khoản tiền gửi thanh toán của BHXH Việt Nam ngày đầu của tháng, dự kiến các khoản chi trong tháng (gồm các khoản chi như: chi BHXH, BHYT, BHTN, chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN, nguồn đảm bảo thanh khoản để chi trả chế độ và dự phòng).

c) Vụ Quản lý đầu tư quỹ: Vào ngày 05 hàng tháng, nếu trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ thì chuyển vào ngày làm việc gần nhất, căn cứ số tiền gốc và lãi đầu tư đến hạn thu hồi trong tháng và các số liệu và tài liệu liên quan do các đơn vị cung cấp, xác định số tiền tạm thời nhận rồi có thể đầu tư được trong tháng, báo cáo, trình Tổng Giám đốc về kế hoạch đầu tư trong tháng.

Chương III

PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN ĐẦU TƯ

Mục I. ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ, TRÁI PHIẾU ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH, CHO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VAY

Điều 6. Đầu tư trái phiếu Chính phủ

1. Xây dựng kế hoạch mua trái phiếu Chính phủ (viết tắt là TPCP)

a) Căn cứ vào phương án đầu tư quỹ đã được Hội đồng quản lý thông qua, kế hoạch phát hành TPCP hàng năm của Bộ Tài chính, Vụ Quản lý đầu tư quỹ trình Tổng Giám đốc về kế hoạch mua TPCP về khối lượng, kỳ hạn, thời điểm.

b) Các hình thức mua TPCP như sau (Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 30/2016/NĐ-CP):

- Mua TPCP từ Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu tại thị trường trong nước;

- Mua TPCP từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về giao dịch TPCP.

2. Phương thức mua trái phiếu Chính phủ

Căn cứ kế hoạch phát hành TPCP được Bộ Tài chính phê duyệt, Vụ Quản lý đầu tư quỹ trình Tổng Giám đốc thực hiện mua TPCP theo quy định hiện hành và phù hợp với thị trường TPCP trong nước theo các hình thức:

2.1. Trên thị trường sơ cấp:

a) Mua TPCP theo hình thức phát hành riêng lẻ.

Vụ Quản lý đầu tư quỹ trực tiếp liên hệ với các đơn vị liên quan để phối hợp thực hiện theo quy định, các bước như sau:

- Gửi Kho bạc Nhà nước (KBNN) công văn đề nghị mua TPCP;
- KBNN trình Bộ Tài Chính ban hành Quyết định phát hành trái phiếu cho BHXH Việt Nam;
- Sau khi có Quyết định của Bộ Tài Chính, BHXH Việt Nam thực hiện chuyển tiền đầu tư mua TPCP vào tài khoản do KBNN chỉ định.

- Thực hiện việc đăng ký và lưu ký TPCP theo quy định

b) Tham gia đấu thầu TPCP qua thành viên đấu thầu

Vụ Quản lý đầu tư quỹ trực tiếp liên hệ với các đơn vị liên quan để phối hợp thực hiện theo quy định, các bước như sau:

- Lựa chọn thành viên đấu thầu và lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ lưu ký.
- Đặt lệnh đấu thầu TPCP
- Thanh toán tiền mua trái phiếu.
- Thanh toán phí lưu ký chứng khoán.

c) Trực tiếp đấu thầu TPCP không cạnh tranh lãi suất qua hệ thống đấu thầu điện tử của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (viết tắt là HNX) theo quy định.

Vụ Quản lý đầu tư quỹ trực tiếp liên hệ với các đơn vị liên quan để phối hợp thực hiện theo quy định, các bước như sau:

- Đăng ký tham gia hệ thống đấu thầu tại HNX
- Lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ lưu ký
- Tham gia đấu thầu không cạnh tranh lãi suất trên HNX
- Thanh toán tiền mua TPCP sau phiên đấu thầu
- Thanh toán phí sử dụng thiết bị đầu cuối, phí lưu ký theo quy định.

d) Việc đấu thầu TPCP tại mục b, c Điều này thực hiện theo quy trình riêng.

2.2. Trên thị trường thứ cấp

BHXX Việt Nam mua TPCP từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về giao dịch TPCP được thực hiện trên thị trường thứ cấp. Trình tự thủ tục đầu tư mua TPCP trên thị trường thứ cấp thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Thanh toán tiền mua TPCP

a) Đối với hình thức phát hành riêng lẻ: Căn cứ Quyết định của Bộ Tài chính, Vụ Quản lý đầu tư quỹ gửi công văn kèm theo Quyết định của Bộ Tài chính về việc phát hành TPCP cho BHXX Việt Nam (bản phô tô) đề nghị Vụ Tài chính - Kế toán thực hiện chuyển tiền mua TPCP đảm bảo kịp thời đầy đủ theo quy định.

b) Đối với hình thức đấu thầu: Căn cứ kết quả trúng thầu, Vụ Quản lý đầu tư quỹ gửi công văn kèm theo thông báo kết quả trúng thầu và kế hoạch đấu thầu TPCP đã được Lãnh đạo BHXX Việt Nam phê duyệt thông báo Vụ Tài chính - Kế toán thực hiện chuyển tiền mua TPCP cho KBNN trước 14:00 giờ ngày T+1, trong đó ngày T là ngày tổ chức đấu thầu.

Sau mỗi đợt chuyển tiền, Vụ Tài chính - Kế toán gửi thông báo bằng văn bản (*ghi rõ: Số tiền đã chuyển, ngày chuyển tiền*) cho KBNN, đồng thời gửi Vụ Quản lý đầu tư quỹ 01 bản để phối hợp theo dõi.

4. Trường hợp cần thiết phải bán TPCP để thu hồi vốn trước hạn

a) Vụ Quản lý đầu tư quỹ chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan nêu rõ lý do báo cáo Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản lý quyết định;

b) Sau khi Hội đồng quản lý phê duyệt, Vụ Quản lý đầu tư quỹ chủ trì trình Tổng Giám đốc thực hiện bán TPCP theo quy định hiện hành.

Điều 7. Đầu tư trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội phát hành

Vụ Quản lý đầu tư quỹ trình Tổng Giám đốc đầu tư trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội phát hành theo phương án đầu tư đã được Hội đồng quản lý thông qua và thực hiện theo Điều 10 Nghị định số 30/2016/NĐ-CP của Chính phủ, Điều 6 của Quy chế này và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Thời hạn đầu tư mua trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội phát hành tối đa không quá 05 năm.

Điều 8. Cho Ngân sách Nhà nước vay

1. Căn cứ phương án đầu tư quỹ đã được Hội đồng quản lý thông qua và nhu cầu vay đối với Ngân sách Nhà nước tại từng thời điểm theo yêu cầu, Vụ Quản lý đầu tư quỹ căn cứ nguồn tiền nhàn rỗi của BHXX Việt Nam, xác định mức cho vay, thời điểm cho vay trình Tổng Giám đốc phê duyệt đảm bảo kịp thời.

Thời hạn vay, mức lãi suất cho vay: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 30/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Thủ tục cho vay và chuyển tiền vay

a) Vụ Quản lý đầu tư quỹ:

- Căn cứ nhu cầu vay vốn của Ngân sách Nhà nước tại thời điểm cần vay và các tài liệu liên quan, dự thảo hợp đồng vay vốn đề Lãnh đạo BHXH Việt Nam và Lãnh đạo Bộ Tài chính ký hợp đồng theo quy định.

- Lập tờ trình Tổng Giám đốc đề xuất nội dung để các đơn vị liên quan thực hiện theo hợp đồng và chuyển tiền cho Ngân sách Nhà nước về thời gian chuyển tiền, số tiền, tài khoản chuyển theo hợp đồng đã ký.

b) Vụ Tài chính - Kế toán:

Căn cứ hợp đồng đã ký (bản gốc) và công văn đề nghị chuyển tiền của Vụ Quản lý đầu tư quỹ thực hiện chuyển tiền, hạch toán theo dõi quản lý, đồng thời gửi thông báo bằng văn bản (*ghi rõ: Số tiền đã chuyển, ngày chuyển tiền*) cho Bộ Tài chính và Vụ Quản lý đầu tư quỹ một bản để quản lý, theo dõi.

3. Thu hồi nợ vay gốc, lãi: Vụ Quản lý đầu tư quỹ chủ trì và thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 7 Nghị định số 30/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Trước thời điểm đến hạn thanh toán trả nợ gốc, trả lãi các khoản do Ngân sách Nhà nước vay 10 ngày làm việc, BHXH Việt Nam gửi Công văn cho Bộ Tài chính để làm thủ tục thanh toán.

5. Gia hạn nợ, cho vay lại: Vụ Quản lý đầu tư quỹ chủ trì thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 7 Nghị định số 30/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Mục II. GỬI TIỀN, MUA TRÁI PHIẾU, KỶ PHIẾU, TÍN PHIẾU, CHỨNG CHỈ TIỀN GỬI ĐƯỢC PHÁT HÀNH BỞI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Điều 9. Lựa chọn, thẩm định hồ sơ và đánh giá chỉ tiêu cơ bản đảm bảo an toàn hoạt động của Ngân hàng thương mại

1. Điều kiện lựa chọn: Các Ngân hàng thương mại có chất lượng hoạt động tốt, hoạt động lành mạnh theo xếp loại tín nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và phù hợp với phương án đầu tư quỹ đã được Hội đồng quản lý thông qua.

2. Thẩm định hồ sơ

a) Hồ sơ pháp lý gồm: Điều lệ Ngân hàng, Quyết định thành lập của Ngân hàng Nhà nước, đăng ký kinh doanh và mã số thuế, Giấy ủy quyền (nếu có).

Quyết định của Ngân hàng Nhà nước về việc được phép phát hành trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi.

b) Hồ sơ tài chính gồm: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của năm trước liền kề.

Bản công bố thông tin (đối với đơn vị phát hành trái phiếu).

Kết quả xếp loại của tổ chức định mức tín nhiệm đối với Ngân hàng phát hành trái phiếu và loại trái phiếu phát hành; hợp đồng đại lý (nếu có).

3. Đánh giá chỉ tiêu cơ bản đảm bảo an toàn hoạt động của Ngân hàng thương mại

Vụ Quản lý đầu tư quỹ có trách nhiệm phân tích, đánh giá các chỉ tiêu cơ bản đảm bảo an toàn hoạt động của Ngân hàng thương mại lựa chọn gửi tiền, đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi định kỳ 6 tháng/lần hoặc đột xuất theo yêu cầu của Tổng Giám đốc theo Mẫu đánh giá - ĐG 01 và phụ lục kèm theo để làm cơ sở đề xuất lựa chọn Ngân hàng thương mại gửi tiền, đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi đảm bảo an toàn, hiệu quả.

Điều 10. Gửi tiền tại các Ngân hàng thương mại

1. Vụ Quản lý đầu tư quỹ trình Tổng Giám đốc gửi tiền tại các Ngân hàng thương mại được lựa chọn đảm bảo kịp thời, an toàn, hiệu quả theo phương án đầu tư đã được Hội đồng quản lý thông qua trên cơ sở sử dụng số tiền nhàn rỗi hàng tháng theo kế hoạch như sau:

a) Xác định mức gửi tiền đối với từng Ngân hàng.

b) Lựa chọn kỳ hạn gửi tiền hợp lý, hiệu quả nhưng tối đa không quá 03 năm.

c) Xác định mức lãi suất gửi tiền theo Khoản 3, Điều 8 Nghị định số 30/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 1330/QĐ-BHXH ngày 16/9/2016 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam về việc lựa chọn bốn chi nhánh, sở giao dịch thuộc bốn Ngân hàng thương mại trên địa bàn Hà Nội để làm cơ sở xác định lãi suất tiền gửi của BHXH Việt Nam hoặc khi có quy định khác thay thế.

2. Việc gửi tiền phải được thực hiện bằng hợp đồng, trong hợp đồng phải quy định rõ số tiền, thời hạn, lãi suất gửi tiền; phương thức thanh toán lãi, gốc; xử lý khi vi phạm hợp đồng.

Sau khi hai bên đạt được thỏa thuận hợp đồng về số tiền gửi, thời hạn, lãi suất gửi tiền và các điều khoản liên quan, Vụ Quản lý đầu tư quỹ trình Tổng Giám đốc xem xét ký hợp đồng gửi tiền theo quy định.

3. Chuyển tiền gửi: Trên cơ sở hợp đồng đã ký, Vụ Quản lý đầu tư quỹ gửi công văn đề nghị chuyển tiền kèm 01 bản Hợp đồng gửi tiền (bản gốc) để Vụ Tài chính - Kế toán thực hiện chuyển tiền gửi Ngân hàng và theo dõi hạch toán, quản lý theo quy định.

Sau mỗi đợt chuyển tiền, Vụ Tài chính - Kế toán gửi thông báo bằng văn bản (*ghi rõ: Số tiền đã gửi, ngày gửi tiền, đơn vị gửi tiền*) cho Vụ Quản lý đầu tư quỹ để quản lý, theo dõi.

Điều 11. Mua trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi của Ngân hàng thương mại

1. Vụ Quản lý đầu tư quỹ trình Tổng Giám đốc mua trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi của Ngân hàng thương mại được lựa chọn đảm bảo an toàn, hiệu quả theo phương án đầu tư đã được Hội đồng quản lý thông qua như sau:

a) Xác định số tiền mua trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi đối với từng Ngân hàng.

b) Lựa chọn thời hạn đầu tư mua trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi hợp lý, hiệu quả nhưng tối đa không quá 05 năm.

c) Xác định mức lãi suất mua trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi theo Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 30/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Việc mua trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi phải được thực hiện bằng hợp đồng (trường hợp mua trên thị trường thứ cấp thực hiện theo quy định hiện hành).

Các nội dung khác thực hiện như Khoản 2, Khoản 3 Điều 10 Quy chế này và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

3. Vụ Quản lý đầu tư quỹ có trách nhiệm quản lý giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi theo quy định.

Khi đến hạn thanh toán tiền gốc trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi cùng với các khoản lãi đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán, Vụ Quản lý đầu tư quỹ nộp lại bản gốc giấy chứng nhận quyền sở hữu tương ứng tại Ngân hàng hoặc Đại lý phát hành để kịp thời thu hồi tiền gốc và lãi đầy đủ theo quy định.

4. Trường hợp cần thiết phải bán trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi để thu hồi vốn trước hạn. Vụ Quản lý đầu tư quỹ chủ trì trình Tổng Giám đốc để báo cáo Hội đồng quản lý xem xét quyết định.

Sau khi Hội đồng quản lý phê duyệt, Vụ Quản lý đầu tư quỹ chủ trì trình Tổng Giám đốc phê duyệt thực hiện bán theo quy định trên thị trường hoặc liên hệ với Ngân hàng để thực hiện các thủ tục bán theo quy định của từng Ngân hàng.

Mục III. ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG

Điều 12. Lựa chọn và thẩm định dự án

1. Điều kiện lựa chọn: Là những dự án quan trọng theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Dự án được đầu tư phải là dự án quan trọng sử dụng một phần vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, bao gồm mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện.

2. Thẩm định dự án

a) Hồ sơ dự án:

- Hồ sơ pháp lý của chủ đầu tư: Các tài liệu chứng minh là dự án quan trọng sử dụng một phần vốn đầu tư công đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

- Nhu cầu vốn thực hiện dự án của chủ đầu tư trong đó nêu rõ nhu cầu huy động vốn từ quỹ BHTN, mục đích sử dụng và mức lãi suất đầu tư dự kiến, cam kết sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích, có hiệu quả.

b) Lựa chọn công ty tư vấn tài chính: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Vụ Quản lý đầu tư quỹ lựa chọn công ty tư vấn tài chính có năng lực trình Tổng Giám đốc xem xét quyết định thuê thẩm định và tư vấn đầu tư dự án cho BHXH Việt Nam.

c) Căn cứ vào kết quả thẩm định và tư vấn của công ty tư vấn tài chính, Vụ quản lý đầu tư chủ trì lập báo cáo lựa chọn dự án đầu tư có hiệu quả, đảm bảo an toàn báo cáo Tổng Giám đốc xem xét, quyết định về mức vốn đầu tư, thời hạn đầu tư, lãi suất đầu tư, phương thức giải ngân, thanh toán và trình Hội đồng quản lý thông qua để thực hiện đầu tư theo quy định.

3. Tổ chức thực hiện

Vụ Quản lý đầu tư quỹ chủ trì tổ chức thực hiện và quản lý hoạt động đầu tư tại các dự án đã được đầu tư theo đúng quy định tại Nghị định số 30/2016/NĐ-CP của Chính phủ. Thực hiện kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn, yêu cầu chủ đầu tư báo cáo việc sử dụng vốn và chứng minh vốn đầu tư của BHXH Việt Nam được sử dụng đúng mục đích.

Việc đầu tư vào các dự án phải đảm bảo thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 2 Điều 3 Quy chế này và các văn bản pháp luật liên quan.

Chương IV

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG QUỸ DỰ PHÒNG RỦI RO

Điều 13. Trích lập, quản lý Quỹ dự phòng rủi ro

Hoạt động đầu tư từ các quỹ bảo hiểm được trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo quy định tại Nghị định số 30/2016/NĐ-CP của Chính phủ và thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 5

Quyết định số 1673/QĐ-BHXH ngày 31/10/2016 của BHXH Việt Nam quyết định về phương pháp phân bổ tiền sinh lời thu được hàng năm của hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN nguyên tắc như sau:

1. Mức trích Quỹ dự phòng rủi ro hằng năm tối đa không quá 2% số tiền sinh lời của hoạt động đầu tư thực thu trong năm cho đến khi số dư Quỹ dự phòng rủi ro bằng 5% số dư nợ đầu tư vào các hình thức quy định tại Điểm c và d Khoản 1 Điều 3 Quy chế này của năm trước liền kề.

Tỷ lệ trích Quỹ dự phòng rủi ro từ số tiền sinh lời của hoạt động đầu tư do Vụ Quản lý đầu tư quỹ xác định trình Tổng Giám đốc quyết định gửi Vụ Tài chính - Kế toán thực hiện.

2. Quỹ dự phòng rủi ro được quản lý tại BHXH Việt Nam và được sử dụng để bù đắp cho số tiền đầu tư bị rủi ro được xử lý theo Điều 13 Nghị định số 30/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Số tiền thu hồi được từ các khoản nợ đã được xử lý bằng Quỹ dự phòng rủi ro được bổ sung vào Quỹ dự phòng rủi ro.

3. Quỹ dự phòng rủi ro trong thời gian chưa sử dụng, được sử dụng để đầu tư vào các hình thức quy định tại Điểm a và b Khoản 1 Điều 3 Quy chế này.

4. Vụ Tài chính - Kế toán mở sổ sách và quản lý theo dõi hạch toán việc trích lập, sử dụng Quỹ dự phòng rủi ro theo quy định của chế độ kế toán hiện hành.

Điều 14. Sử dụng Quỹ dự phòng rủi ro

1. Vụ Quản lý đầu tư quỹ

a) Chủ trì, thu thập hồ sơ, tài liệu, phối hợp với các đơn vị liên quan lập phương án sử dụng Quỹ dự phòng rủi ro trình Tổng Giám đốc để xử lý rủi ro theo Điều 13 Nghị định số 30/2016/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

b) Căn cứ kết luận xử lý rủi ro của cấp có thẩm quyền, phối hợp với Vụ Tài chính - Kế toán thực hiện các hoạt động nghiệp vụ để xử lý rủi ro thuộc thẩm quyền.

2. Vụ Tài chính - Kế toán

a) Phối hợp với Vụ Quản lý đầu tư quỹ hoàn thiện hồ sơ, thủ tục sử dụng Quỹ dự phòng rủi ro trước khi trình Tổng Giám đốc phê duyệt.

b) Hàng năm, cung cấp số dư quỹ dự phòng rủi ro cho Vụ Quản lý đầu tư quỹ.

c) Căn cứ kết luận xử lý rủi ro của Tổng Giám đốc thực hiện chuyển tiền, hạch toán kế toán việc trích lập và sử dụng Quỹ dự phòng rủi ro theo quy định.

d) Thực hiện hạch toán theo chế độ kế toán số tiền phát sinh từ Quỹ dự phòng rủi ro theo quy định.

3. Vụ Pháp chế

Phối hợp với Vụ Quản lý đầu tư quỹ tham mưu, đề xuất biện pháp xử lý rủi ro và thẩm định hồ sơ đề nghị sử dụng Quỹ dự phòng rủi ro trình Tổng Giám đốc trước khi xin ý kiến Hội đồng quản lý.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Quản lý, hạch toán, lưu giữ hồ sơ hoạt động đầu tư các quỹ bảo hiểm

1. Vụ Quản lý đầu tư quỹ

a) Mở sổ sách nghiệp vụ theo dõi quản lý chi tiết hoạt động đầu tư theo các Điều 6, Điều 7, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 của quy chế này của các quỹ bảo hiểm đảm bảo thu đầy đủ gốc, lãi theo quy định và kịp thời phát hiện rủi ro trong hoạt động đầu tư quỹ nhằm đầu tư an toàn, hiệu quả.

b) Thường xuyên cập nhật thông tin về phát hành TPCP, trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, lãi suất huy động của các ngân hàng thương mại có chất lượng hoạt động tốt, hoạt động lành mạnh để phục vụ cho việc xác định lãi suất đầu tư sát thực tế.

c) Định kỳ 3 tháng một lần, lập báo cáo về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động đầu tư từ các quỹ bảo hiểm trình Tổng Giám đốc để báo cáo Hội đồng quản lý BHXH Việt Nam.

d) Hàng tháng phối hợp với Vụ Tài chính - Kế toán thực hiện đối chiếu số tiền đầu tư, số phát sinh (gốc, lãi) của từng đối tượng đầu tư theo quy định về việc phối hợp đối chiếu số tiền đầu tư, số tiền đã thu nợ gốc và lãi đầu tư tài chính tại BHXH Việt Nam theo Mẫu đối chiếu kèm theo (ĐC-02)

đ) Cuối năm thực hiện đối chiếu, xác nhận số tiền gốc đầu tư, số phát sinh (gốc, lãi) của từng đối tượng đầu tư theo quy định chế độ kế toán hiện hành.

e) Quản lý, lưu giữ toàn bộ hồ sơ (bản chính, do Vụ chủ trì), các loại giấy tờ có giá trị liên quan đến hoạt động đầu tư, sử dụng Quỹ dự phòng rủi ro tại quy chế này theo chế độ quy định.

2. Vụ Tài chính - Kế toán

a) Quản lý, hạch toán số tiền đã đầu tư, lãi phải thu, số tiền phát sinh gốc, lãi đã thu hàng tháng theo chế độ kế toán hiện hành.

b) Hàng tuần vào thứ Hai, cung cấp cho Vụ Quản lý đầu tư quỹ số dư trên các tài khoản tiền gửi thanh toán của BHXH Việt Nam, dự kiến các khoản chi gồm các khoản: chi phí quản lý

BHXX, BHYT, BHTN, chi BHXX, BHYT, BHTN... để làm căn cứ xác định số tiền nhân rồi trình Tổng Giám đốc kế hoạch đầu tư.

c) Hàng tháng cung cấp chứng từ chuyển tiền, chứng từ thu lãi, gốc của hoạt động đầu tư (bản phô tô) và thực hiện đối chiếu với Vụ Quản lý đầu tư quỹ theo quy định về việc phối hợp đối chiếu số tiền đầu tư, số tiền đã thu nợ gốc và lãi đầu tư tài chính tại BHXX Việt Nam. Hình thức gửi số liệu bằng văn bản và file điện tử.

d) Hàng năm, cung cấp số lãi đầu tư tự động (nếu có), lãi phát sinh trên các tài khoản tiền gửi phản ánh thu, chi BHXX, BHYT, BHTN do Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thực trả cho cơ quan BHXX các cấp cho Vụ Quản lý đầu tư quỹ để làm căn cứ xây dựng phương án đầu tư quỹ và báo cáo Hội đồng quản lý kết quả thu lãi hoạt động đầu tư.

e) Quản lý, lưu giữ hồ sơ theo chế độ quy định gồm: Các loại Hợp đồng đầu tư tài chính, văn bản đề nghị chuyển tiền của Vụ Quản lý đầu tư quỹ đối với các loại hợp đồng đầu tư tài chính, chứng từ chuyển tiền, hồ sơ chứng từ trích lập Quỹ dự phòng rủi ro (bản chính).

3. Văn phòng (Văn thư cơ quan) có trách nhiệm lưu trữ, bảo quản theo quy định gồm: báo cáo phương án đầu tư các quỹ bảo hiểm gửi Hội đồng quản lý thông qua, Nghị quyết của Hội đồng quản lý về phương án đầu tư các quỹ bảo hiểm.

4. Hồ sơ đầu tư các quỹ bảo hiểm lưu giữ tại các đơn vị phải được quản lý theo đúng quy định tại Quyết định số 109/2005/QĐ-BCA (A11) ngày 01/02/2005 của Bộ Công an ban hành Danh mục nhà nước mức độ mật của Ngành BHXX và Quyết định số 612/QĐ-BHXX ngày 5/6/2013 của Tổng Giám đốc BHXX Việt Nam ban hành Quy chế bí mật nhà nước trong Ngành BHXX Việt Nam.

Điều 16. Điều khoản chuyển tiếp

1. Khi các quy định tại Quy chế này có thay đổi do các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành hoặc văn bản của Ngành được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng một văn bản khác thì được áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Đối với các hợp đồng cho ngân hàng thương mại nhà nước, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội vay và đầu tư vào các công trình kinh tế trọng điểm quốc gia được ký trước ngày 01/01/2016 thì BHXX Việt Nam và bên liên quan tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã được ký kết cho đến hết hạn của Hợp đồng. Trường hợp gia hạn các Hợp đồng này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 30/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị báo cáo kịp thời về BHXX Việt Nam (Vụ Quản lý đầu tư quỹ) để phối hợp và trình Tổng Giám đốc xem xét, giải quyết./.

CHỈ TIÊU CƠ BẢN ĐẢM BẢO AN TOÀN HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

(Kèm theo Quyết định số: 1288/QĐ-BHXH ngày 25 tháng 7 năm 2017)

| Stt | Chỉ tiêu | Số liệu |
|------------|---|---------|
| I | Đảm bảo đủ vốn | |
| 1 | Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) | |
| 2 | Tỷ lệ an toàn vốn cấp I | |
| 3 | Tỷ lệ vốn chủ sở hữu so với tổng tài sản | |
| II | Chất lượng tín dụng | |
| 4 | Tỷ lệ dư nợ cho vay theo ngành nghề kinh tế có độ rủi ro cao | |
| 5 | Tỷ lệ nợ xấu | |
| 6 | Tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng | |
| 7 | Tỷ lệ lãi dự thu từ hoạt động tín dụng so với tổng dư nợ cho vay khách hàng | |
| III | Khả năng thanh khoản | |
| 8 | Tỷ lệ dự trữ thanh khoản | |
| 9 | Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi (LDR) | |
| 10 | Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn | |
| IV | Khả năng sinh lời | |
| 11 | Tỷ suất sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROAE) | |
| 12 | Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROAA) | |
| V | Quy mô hoạt động | |
| 13 | Tổng tài sản | |
| 14 | Vốn điều lệ | |
| 15 | Mạng lưới chi nhánh | |

THUYẾT MINH CHỈ TIÊU CƠ BẢN ĐẢM BẢO AN TOÀN HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu

$$\text{Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu} = \frac{\text{Vốn tự có (Vốn cấp I + Vốn cấp II)}}{\text{Tổng tài sản có rủi ro quy đổi}} \times 100\%$$

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu là một thước đo độ an toàn vốn của ngân hàng, được tính theo tỷ lệ của vốn tự có so với tổng tài sản đã điều chỉnh rủi ro của ngân hàng. Thông qua tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu đánh giá được khả năng bảo vệ khách hàng gửi tiền trước rủi ro của ngân hàng, đồng thời tăng tính ổn định cũng như hiệu quả của toàn hệ thống.

2. Tỷ lệ an toàn vốn cấp I

$$\text{Tỷ lệ an toàn vốn cấp I} = \frac{\text{Vốn tự có cấp I}}{\text{Tổng tài sản có rủi ro quy đổi}} \times 100\%$$

Vốn cấp I là vốn tự có của một tổ chức tín dụng, về cơ bản, vốn cấp I bao gồm: Vốn điều lệ, các quỹ dự trữ và phần lợi nhuận còn giữ lại. Chỉ tiêu này cho biết một tổ chức tín dụng có đủ vốn hay không theo tiêu chí của Ngân hàng Thanh toán Quốc tế.

3. Tỷ lệ vốn chủ sở hữu so với tổng tài sản:

$$\text{Tỷ lệ vốn chủ sở hữu so với tổng tài sản} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng tài sản}} \times 100\%$$

Tỷ lệ vốn chủ sở hữu so với tổng tài sản phản ánh tỷ lệ vốn chủ sở hữu trong tổng tài sản. Tỷ lệ càng cao thì khả năng tự chủ vốn càng lớn.

4. Tỷ lệ dư nợ cho vay theo ngành nghề kinh tế có độ rủi ro cao

Tỷ lệ dư nợ cho vay theo ngành nghề kinh tế có độ rủi ro cao phản ánh chất lượng tín dụng của ngân hàng và mức độ tập trung rủi ro tín dụng theo ngành nghề kinh tế. Nếu dư nợ cho vay tập trung chủ yếu vào ngành nghề kinh tế có rủi ro cao (BĐS, Xây dựng, chứng khoán...) hoặc tập trung quá cao vào một ngành kinh tế sẽ gây ra rủi ro tín dụng cho ngân hàng.

5. Tỷ lệ nợ xấu

$$\text{Tỷ lệ nợ xấu} = \frac{\text{Dư nợ Nhóm 3, 4, 5}}{\text{Cho vay khách hàng}} \times 100\%$$

Căn cứ Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/04/2005 của Ngân hàng Nhà nước Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động

ngân hàng của tổ chức tín dụng, sửa đổi bổ sung bởi Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày, các khoản nợ chia thành các nhóm sau:

Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn;

Nhóm 2 - Nợ cần chú ý;

Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn;

Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ;

Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn.

Nợ xấu được xác định là tổng các nhóm 3, 4, 5 là các khoản nợ dưới chuẩn, có thể quá hạn và bị nghi ngờ về khả năng trả nợ lẫn khả năng thu hồi vốn của chủ nợ.

Tỷ lệ nợ xấu phản ánh chất lượng tín dụng tại ngân hàng, đồng thời phản ánh khả năng quản lý tín dụng của ngân hàng từ khâu thẩm định, cho vay, đến đôn đốc thu hồi nợ của ngân hàng đối với các khoản vay. Tỷ lệ nợ xấu càng cao thể hiện chất lượng tín dụng của ngân hàng càng kém và ngược lại.

6. Tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng

$$\text{Tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng} = \frac{\text{Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng}}{\text{Tổng nợ xấu}} \times 100\%$$

Chỉ số phản ánh tỷ lệ nợ xấu được trích lập dự phòng, đồng thời đánh giá mức độ bù đắp rủi ro của quỹ dự phòng rủi ro. Chỉ số này càng cao thì khả năng bù đắp rủi ro càng tốt.

7. Tỷ lệ lãi dự thu từ hoạt động tín dụng so với dư nợ cho vay khách hàng

$$\text{Tỷ lệ lãi dự thu từ hoạt động tín dụng so với dư nợ vay khách hàng} = \frac{\text{Lãi dự thu từ hoạt động tín dụng}}{\text{Tổng dư nợ tín dụng}} \times 100\%$$

Lãi dự từ hoạt động tín dụng là khoản lãi chưa thu được lũy kế nhưng đã được hạch toán vào lợi nhuận. Vì vậy, chỉ tiêu này càng cao thì càng nguy hiểm tiềm ẩn nhiều rủi ro và ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của ngân hàng. Lãi dự thu càng lớn cũng chứng tỏ nền kinh tế không ổn định, các tổ chức kinh tế kinh doanh không hiệu quả.

8. Tỷ lệ dự trừ thanh khoản

$$\text{Tỷ lệ dự trừ thanh khoản} = \frac{\text{Tài sản có tính thanh khoản cao}}{\text{Tổng nợ phải trả}} \times 100\%$$

Tỷ lệ dự trữ thanh khoản phản ánh khả năng chi trả, thanh toán nhanh các khoản tiền gửi khách hàng, đảm bảo an toàn thanh khoản nếu tiền gửi của khách hàng bị suy giảm hoặc rút ra với khối lượng lớn.

9. Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi (LDR)

$$\text{Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi} = \frac{\text{Tổng dư nợ cho vay}}{\text{Tổng tiền gửi}} \times 100\%$$

LDR là chỉ số phản ánh tương quan giữa số tiền huy động với số tiền cho vay của ngân hàng. Chỉ số này đánh giá hiệu quả hoạt động tín dụng, đồng thời phản ánh nguy cơ rủi ro thanh khoản, nếu tỷ lệ này cao thì ngân hàng có khả năng mất cân bằng thanh khoản, rủi ro cao.

10. Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn

$$\text{Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn} = \frac{\text{Tổng dư nợ cho vay trung và dài hạn} - \text{Tổng nguồn vốn trung và dài hạn}}{\text{Nguồn vốn ngắn hạn}} \times 100\%$$

Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn phản ánh tỷ lệ vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn; đồng thời phản ánh nguy cơ xảy ra rủi ro thanh khoản, nếu tỷ lệ duy trì ở mức cao hoạt động của ngân hàng sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro thanh khoản.

11. Tỷ suất sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROAE)

$$\text{ROAE} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}} \times 100\%$$

ROAE cho biết tỷ suất sinh lời của vốn chủ sở hữu. ROAE càng cao càng chứng tỏ ngân hàng sử dụng hiệu quả vốn cổ đông, kinh doanh hiệu quả, nguồn vốn chủ sở hữu sinh lời tốt.

12. Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROAA)

$$\text{ROAA} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng tài sản bình quân}} \times 100\%$$

ROAA phản ánh tỷ suất sinh lời của tài sản. ROAA càng cao chứng tỏ ngân hàng sử dụng hiệu quả tài sản, tài sản sinh lời tốt.

13. Tổng tài sản

Tổng tài sản phản ánh quy mô tài sản của ngân hàng là toàn bộ tài sản mà ngân hàng có quyền sở hữu hoặc chiếm hữu, sử dụng một cách hợp pháp. Nếu chỉ số này lớn và tăng trưởng qua các năm cho thấy ngân hàng có năng lực tài chính tốt, triển vọng, phát triển ổn định.

14. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: là số vốn ban đầu được ghi trong điều lệ hoạt động của ngân hàng và tối thiểu phải bằng vốn pháp định do Chính phủ quy định. Vì vậy, ngân hàng có vốn điều lệ cao cho thấy năng lực tài chính tốt và có khả năng tự chủ về vốn lớn.

15. Mạng lưới chi nhánh

Chỉ tiêu mạng lưới chi nhánh phản ánh quy mô và thị phần huy động, cho vay của ngân hàng, số lượng chi nhánh càng lớn, mạng lưới càng rộng, thì ngân hàng có khả năng huy động vốn tốt đảm bảo nguồn huy động tiền gửi và cho vay khách hàng, đặc biệt đối với khách hàng cá nhân.



Tháng...năm...

Đ/v: đồng

[illegible]

| | | | | | | | | | | | | | | | | |
|-------------|------------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| II | TPCP | | | | | | | | | | | | | | | |
| III | Ngân hàng | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | |
| VI | Khách hàng khác | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | TĐ Lai Châu | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | | | | | | | |

Hà Nội, ngày tháng ... năm.....

VỤ QUẢN LÝ ĐẦU TƯ QUỸ
LẬP BIỂU PHÒNG TỔNG HỢP

THỦ TRƯỞNG ĐƠN
VỊ

VỤ TÀI CHÍNH-KẾ TOÁN
PHÒNG KẾ TOÁN THỦ TRƯỞNG ĐƠN
VỊ